

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI URBAN PLANNING ARCHITECTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106948940

**3. Ngày thành lập:** 21/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22, ngõ 194, phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.62752719

Fax: 04.62752719

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                    | 5221     |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                               | 4210     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329     |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390     |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652     |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh./.<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                    | 8299        |
| 24. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9524        |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Khảo sát địa hình;<br>- Thiết kế quy hoạch giao thông trong đô thị;<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế hệ thống điện trong đồ án quy hoạch;<br>- Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;<br>- Thiết kế san nền, thoát nước trong quy hoạch xây dựng; | 7110(Chính) |
| 26. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7120        |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | KIỀU TUẤN TÚ     | Số 203B phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | 6.732.000.000         | 99,00    | 012195568                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM TRUNG THÀNH | Số 14, ngõ 191, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 68.000.000            | 1,00     | 012506376                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 10/09/2015 đến ngày 22/10/2015

Họ và tên: KIỀU TUẤN TÚ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 29/06/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012195568

Ngày cấp: 19/03/2011

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 203B phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 203B phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội